TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc kiện " Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị T – sinh năm 1994

Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã T1, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Anh Tạ Công T2 – sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn K, xã T1, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

(Chị T anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T2 tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương. Chung sống hạnh phúc một thời gian thì anh T2 đi làm xa, chị và con chung lên nhà mẹ đẻ chị tại xã L, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Quá trình chung sống thời

gian đầu vợ chồng hạnh phúc, hai bên còn chia sẻ, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nhưng sau đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu Tẫn vợ chồng trở nên căng thẳng từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2 để anh chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Lý Thị T trình bày chị và anh Tạ Công T2 có 01 con chung là Tạ Đức A, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2016, hiện đang sinh sống cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T2 góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Tạ Công T2 không có nợ chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc nên chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Theo bản tự khai, tại phiên tòa bị đơn anh Tạ Công T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T2 xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị T trình bày. Anh và chị Lý Thị T là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/3/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống tại địa phương nhưng đến khi anh đi làm xa, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ trên Cao Bằng sinh sống. Đến tháng 8/2023 anh trở về địa phương sinh sống, chị T và con chung không trở về sinh sống cùng anh. Quá trình sinh sống vợ chồng có phát sinh mâu Tẫn, nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Tạ Đức A, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2016. Ly hôn nếu chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, anh nhường quyền nuôi con cho chị T, anh không góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Nếu chị T không nuôi con, anh xin nhận nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung, không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị T được ly hôn anh T2; Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T2 có 01 người con chung, tên là Tạ Đức A, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2016, hiện đang sống cùng chị T, đề nghị HĐXX giao con chung cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T2 góp cấp dưỡng nuôi con chung; Anh T2 có quyền thăm nom chăm sóc con chung; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Anh Tạ Công T2 bị đơn có nơi cư trú tại xã T1, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình Tộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tò
a án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Lý Thị T, anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh T2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/3/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Qua xác minh tại UBND xã T1, chính quyền địa phương xác nhận chị T và anh T2 có mâu Tẫn, vợ chồng sống xa nhau, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh T2 mâu Tẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh T2 là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T và anh T2 đều xác định vợ chồng có có 01 con chung là Tạ Đức A, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2016 hiện sống cùng chị T. Xét đề nghị của các đương sự trong vụ án cũng như xét đến sự phát triển ổn định của con chung, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn và nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy hiện tại cháu Tạ Đức A còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên giao cháu Tạ Đức A cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận đề nghị của chị T về việc chị không yêu cầu anh T2 góp cấp dưỡng nuôi con. Anh T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, giao dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T2 đều xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị T ly hôn anh Tạ Công T2.

2. Về con chung: Giao con chung Tạ Đức A sinh ngày 01/8/2016 cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lý Thị T không yêu cầu anh Tạ Công T2 góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh tạ Công T2 có quyền thăm nom chăm sóc con chung. Anh Tạ Công T2 và chị Lý Thị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị T đã nộp tại biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0004375 ngày 11/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị T và anh Tạ Công T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Đương sự;

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

- Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 3 năm 2016);

- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Việt Hưng